TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KẾ SÁCH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 11 năm 2018
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Diệu**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Nguyễn Văn Sơn**
2. Bà **Hồ Thị Thanh Thủy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung" thụ lý số 313/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, và Quyết định Hoãn phiên tòa số 92/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lý Thị Cẩm N**, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp C, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

2. Bị đơn: **Nguyễn Hoàng G**, địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Trong đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lý Thị Cẩm N trình bày: Giữa nguyên đơn với bị đơn là ông Nguyễn Hoàng G kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/7/2012. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Kim N1 sinh ngày 19/10/2012, hiện cháu N1 đang sống chung với bà N. Quá trình chung sống, ông G thường xuyên rượu chè, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp về tiền bạc với nhau; từ ngày 23/6/2018 bà N về nhà cha mẹ ruột để ở và từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà N xin ly hôn ông G; về con chung bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi đến tuổi thành niên mà không yêu cầu ông G cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Hoàng G, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông G nhưng ông G không có ý kiến trả lời, cũng không đến Tòa án để cung cấp lời khai và tham gia các phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Ông Nguyễn Hoàng G là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông G xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà N nhận thấy vợ chồng không cùng chung quan điểm, tính tình không hợp nhau nên luôn xảy ra mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân, cuộc sống chung không có hạnh phúc, nên bà N yêu cầu ly hôn ông G. Riêng về phía ông G, Tòa án đã triệu tập tham dự các phiên hòa giải ông đều vắng mặt, điều này cho thấy Tòa án đã tạo điều kiện thuận lợi để vợ chồng có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ, nhưng ông G tỏ ra không quan tâm đến, không có thiện chí hợp tác. Hội đồng xét xử thấy rằng, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, nay bà N kiên quyết xin ly hôn, ông G thì không có thiện chí hợp tác để hàn gắn. Xét thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[3] Về con chung: Bà N và ông G có 01 con chung là cháu Nguyễn Kim N1 sinh ngày 19/10/2012, hiện đang ở với bà N kể từ khi bà N và ông G sống ly thân nhau đến nay. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N1 đến khi thành niên mà không yêu cầu ông G cấp dưỡng; ông G thì không hợp tác cung cấp lời khai cho Tòa án, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu giành quyền trực tiếp nuôi con chung của bà N và ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu cấp dưỡng. Ông G không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo quy định tại các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo của đương sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; các Điều 147; 228; 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án ly hôn và được giải quyết như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lý Thị Cẩm N được ly hôn ông Nguyễn Hoàng G.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Kim N1 sinh ngày 19/10/2012 cho bà Lý Thị Cẩm N để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà N tự nguyện không yêu cầu được ghi nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông G, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Bà Lý Thị Cẩm N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004163, ngày 06/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát ND huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (để BC);
- UBND xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Diệu